

Số: 05/2022/QĐST-DS

Hải An, ngày 23 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Minh

2. Bà Dương Thị Hồng Vân

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B(gọi tắt là B); địa chỉ trụ sở: Số H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Vân A, chức vụ: Phó Giám đốc B - Chi nhánh Hải Phòng; bà Trần Thị Tuyết N, chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng cá nhân; bà Nguyễn Thu H, chức vụ: Phó trưởng phòng Quản lý rủi ro, B - Chi nhánh Hải Phòng (Theo Quyết định ủy quyền ngày 18/6/2021).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T; nơi cư trú: Số H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn B' và chị Nguyễn Hồng L; nơi cư trú: Số H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng;

Anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị N; nơi cư trú: Số H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng;

Anh Phạm Văn K và chị Vũ Thị H; nơi cư trú: Số H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng;

Ông Vũ Thanh V và bà Nguyễn Thị T; nơi cư trú: H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí phạt chậm trả lãi đối với Hợp đồng tín dụng số 570/2018/9070944/HĐTD ngày 08/11/2018 giữa B với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T:

- Tạm tính đến ngày 23/8/2022, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T còn nợ B số tiền: 5.501.019.532 đồng (Năm tỷ năm trăm linh một triệu không trăm mười chín nghìn năm trăm ba mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc: 3.953.151.548 đồng (Ba tỷ chín trăm năm mươi ba triệu một trăm năm mươi một nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng); lãi trong hạn: 1.345.635.002 đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn không trăm linh hai đồng); lãi quá hạn: 30.847.460 đồng (Ba mươi triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi đồng); phí phạt chậm trả lãi: 171.385.522 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi hai đồng).

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 23/8/2022 là 5.501.019.532 đồng (Năm tỷ năm trăm linh một triệu không trăm mười chín nghìn năm trăm ba mươi hai đồng) cho B.

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày 23/8/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 570/2018/9070944/HĐTD ngày 08/11/2018 giữa B với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2.2. Về thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán:

Đến ngày 16/9/2022, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí phạt chậm trả lãi là

5.501.019.532 đồng (Năm tỷ năm trăm linh một triệu không trăm mười chín nghìn năm trăm ba mươi hai đồng) cho B.

Trường hợp ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T không trả được nợ cho B theo thỏa thuận thì B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 571/2018/9070944/HĐBĐ ngày 08/11/2018 đã ký giữa B - bên nhận thế chấp với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T - bên thế chấp. Tài sản thế chấp bao gồm Quyền sử dụng 479m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 16 tại tổ dân phố Hạ Đoạn 3, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 761251 do UBND quận Hải An cấp ngày 01/11/2018 cho ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T.

Khi phát mại tài sản những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền ưu tiên mua theo quy định của pháp luật.

2.3. Về quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn B', chị Nguyễn Hồng L, anh Nguyễn Văn M, chị Vũ Thị N, anh Phạm Văn K, chị Vũ Thị H, ông Vũ Thanh V, bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận với nhau về tiền mua đất, tiền xây nhà liên quan đến tài sản thế chấp. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác tại Tòa án.

2.4. Về án phí:

- Bị đơn là Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T nhận nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 113.501.019 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm linh một nghìn không trăm mười chín đồng). Ông Nguyễn Văn D là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí phần ông D phải nộp theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (gọi tắt là Nghị quyết 326). Về phần án phí ông D nhận nộp thay B thì ông D vẫn phải nộp án phí theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị quyết 326. Căn cứ khoản 5 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 12, khoản 8, 9 Điều 26 của Nghị quyết 326, ông D được miễn nộp 28.375.254 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi tư đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T còn phải nộp 85.125.765 đồng (Tám mươi lăm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn là B không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại B 56.805.000 đồng (Năm mươi sáu triệu tám trăm linh năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0004602 ngày 11/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- Các đương sự;
- Lưu:Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

